

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Khung chương trình đào tạo Sư phạm Hóa học, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường, Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm; Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 624/QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

Handwritten signature

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Sư phạm Hóa học, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có Khung chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Khung chương trình đào tạo Sư phạm Hóa học, trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 59 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trường đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (02).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC K59

Tên chương trình: Sư phạm Hoá học Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Hoá học Mã ngành: 7140212

(Ban hành theo Quyết định số 2257/QĐ-ĐHSP, ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

TT	Mã số	Học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
I	Kiến thức chung		26								
1	59SPH131	Triết học Mác – Lênin	3	32	10	6	10				1
2	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131	2
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121	3
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121	4
5	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121	5
6	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				6
7	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1
8	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			59ENG131	2
9	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			59ENG132	3
10	59GIF131	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				2
11	59PHE111	Giáo dục thể chất 1	2	4		36					2
12	59PHE112	Giáo dục thể chất 2	2	4		36					1
13	59PHE113	Giáo dục thể chất 3	2	4		36					3
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung							3
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		68								
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			9								
Các học phần bắt buộc			6								
15	59CMS241	Hoá học cấu tạo chất	4	42	21		15				1
16	59PBC321	Thực hành Hóa cơ sở	2			60					2
Các học phần tự chọn			3								
17	59TCP231	Cơ sở lý thuyết các quá trình hoá học	3	33	15		9			59CMS241	2

Handwritten signatures

TT	Mã số	Học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
18	59BIO231	Sinh học	3	33	15		9				1
19	59PHY231	Vật lí	3	33	15		9				2
2.2. Kiến thức chuyên ngành			59								
Các học phần bắt buộc			34								
20	59ICH331	Hoá vô cơ 1	3	33	15		9				2
21	59ICH342	Hoá vô cơ 2	4	45	18		12			59TCP231 59ICH331	3
22	59PIC321	Thực hành Hóa vô cơ	2			60				59ICH331 59ICH342	4
23	59PCH331	Hóa lý 1	3	33	15		9			59TCP231	3
24	59PCH342	Hóa lý 2	4	42	24		12			59PCH331	4
25	59PPC321	Thực hành Hóa lý	2			60				59PCH331	5
26	59TOC331	Cơ sở lý thuyết hóa học hữu cơ	3	33	15		9			59TCP231	3
27	59HYF331	Hydrocarbon và nguồn nhiên liệu	3	33	15		9			59TOC331	4
28	59POC321	Thực hành Hóa hữu cơ	2			60				59DHY331	6
29	59ACH331	Hóa phân tích 1	3	33	15		9			59TCP231	4
30	59ACH332	Hóa phân tích 2	3	33	15		9			59ACH331	5
31	59PAC321	Thực hành Hóa phân tích	2			60				59ACH331	7
Các học phần tự chọn			25								
32	59TAC331	Kiểm tra và đánh giá trong dạy học Hóa học	3	35	10		10			59TMC431	6
33	59ASC331	Phương pháp phổ ứng dụng trong hóa học	3	33	15		9			59TCP231	7
34	59SFE331	An toàn thực phẩm và phòng chống cháy nổ	3	33	15		9			59HYF331	7
35	59AIT331	Ứng dụng CNTT trong dạy học hóa học	3	30	10	20				59GIF131 59TTC431	7
36	59DHE331	Dẫn xuất của Hydrocarbon	3	33	15		9			59HYF331	5
37	59COP331	Hợp chất tạp chức và polymer	3	33	15		9			59DHE331	6
38	59CFL341	Hoá học với cuộc sống	4	30	10	30	10	10		59ICH331 59ICH342 59DHE331	6

Nguyễn Văn Tuấn

TT	Mã số	Học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
39	59CCC331	Hóa học phức chất	3	33	12		12			59TCP231	7
40	59SOC331	Tổng hợp hữu cơ	3	33	15		9			59DHE331	7
41	59NPR331	Hợp chất thiên nhiên	3	33	15		9			59COP331	8
42	59CPM331	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	3	33	15		9			59PCH342	8
43	59CCH331	Hóa keo	3	33	15		9			59PCH342	6
44	59AIB331	Hóa sinh vô cơ	3	33	15		9			59ICH342	5
45	59COC331	Xúc tác trong hóa học hữu cơ	3	35			20			59DHE331	7
46	59RCH331	Hóa học phóng xạ	3	33	9		15			59ICH342	6
47	59CIC331	Xúc tác trong hóa học vô cơ	3	33	15		9			59ICH342	6
III	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		30								
Các học phần bắt buộc			24								
48	59EPS431	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8				1
49	59PEP431	Giáo dục học	3	31	8	12	8			59EPS431	2
50	59COS431	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6			59EPS431 59PEP431	5
51	59TTC431	Lý luận dạy học hóa học	3	32	8		9	9		59SPH131 59PEP431	3
52	59CES421	Thí nghiệm hóa học ở trường phổ thông	2			60				59PIC321	6
53	59PTT421	Thực hành sư phạm Hoá học 1	2			60				59PEP431	4
54	59PTT432	Thực hành sư phạm Hoá học 2	3	10		70				59TMC431 59PTT421	7
55	59TRA421	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở Trường phổ thông						59TTC431 59PTT421	5
56	59TRA432	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở Trường phổ thông						59TTC431 59ICH342 59DHE331	8
Các học phần tự chọn			6								
57	59ESC431	Bài tập hóa học ở trường phổ thông	3	35	10		10			59TTC431 59ICH342 59DHE331	6
58	59TMC431	Phương pháp dạy học hóa học ở trường phổ thông	3	32		9	8	9		59TTC431 59ICH331 59ICH342	5

Ngân *Chant*

TT	Mã số	Học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
59	59ETC431	Phương tiện dạy học hóa học	3	35		20				59TTC431 59ICH342 59DHE331	7
60	59TOE431	Dạy học trong môi trường trực tuyến	3	30	15		15			59TTC431 59ICH342 59DHE331	7
IV	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp		6								
61	59CTE904	Khoá luận tốt nghiệp	6								
Các học phần thay thế khóa luận			6								
62	59EST931	Trải nghiệm và giáo dục STEM trong dạy học hóa học ở trường phổ thông	3	30	10		10	10			8
63	59TET931	Một số kĩ thuật xử lí môi trường	3	33	15		9				8
64	59TPD931	Dạy học hóa học ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực	3	30	15		15				8
65	59SEC931	Xác suất thống kê xử lí số liệu thực nghiệm hóa học	3	33	15		9				8
Tổng cộng			130								

Ghi chú: Tổng số **130** tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Uant *Nguyen*

100%